

Toàn quốc/tỉnh/xã/chủ rừng nhóm II

[illegible]

[illegible]

3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	133 0											
4	Rừng cau dừa	134 0											
V	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	200 0											
1	Diện tích đã trồng cây rừng	201 0											
2	Diện tích có cây tái sinh	202 0											
3	Diện tích khác	203 0											

Người tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 4 = Cột 4 = Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14
- Mã 0000 = Mã 1100 + Mã 2010
- Mã 1100 = Mã 1200
- Mã 1110 = Mã 1300